

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN-BỘ NỘI VỤ-BỘ
TÀI CHÍNH

Số: 64/2006/TTLT/BNN-
BNV-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006
của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề
đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật,
Thú y và Kiểm soát dê điều**

Căn cứ Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát dê điều (sau đây gọi tắt là Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát dê điều như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Công chức (kể cả công chức dự bị), viên chức, những người đang trong thời gian tập sự, thử việc trực tiếp làm chuyên môn đã được chuyển xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) vào các ngạch công chức, viên chức chuyên ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát dê điều (các ngạch có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 09, 10, 11) thuộc biên chế trả lương trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp của nhà nước.
- Đối tượng quy định tại khoản 1 mục này không được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề trong các thời gian sau:

- a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4, Điều 8, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;
- b) Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không trực tiếp làm công tác chuyên môn trên 3 tháng;
- c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 1 tháng trở lên;
- d) Thời gian ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành;
- e) Thời gian bị đình chỉ công tác.

II. MỨC PHỤ CẤP

Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều gồm các mức sau:

1. Ngành Kiểm lâm

- Mức phụ cấp 50% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm làm việc trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;
- Mức phụ cấp 45% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm làm việc trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5;
- Mức phụ cấp 40% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm công tác trên địa bàn xã nơi có phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,3;
- Mức phụ cấp 30% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;
- Mức phụ cấp 25% áp dụng đối với công chức ngạch kiểm lâm công tác trên địa bàn xã nơi không có phụ cấp khu vực và công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5;
- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi có phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,3;
- Mức 15% áp dụng đối với công chức, viên chức ngạch kiểm lâm làm việc tại các Hạt, Trạm kiểm lâm nơi không có phụ cấp khu vực và các Đội kiểm lâm cơ động;
- Mức phụ cấp 10% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm lâm trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ rừng tại các Chi cục kiểm lâm, các Trung tâm kỹ thuật bảo

vệ rừng.

2. Ngành Bảo vệ thực vật, Thú y

- Mức phụ cấp 25% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên;
- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực từ 0,4 đến 0,5.
- Mức phụ cấp 15% áp dụng đối với công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm Kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi có phụ cấp khu vực 0,1 đến 0,3.
- Mức phụ cấp 10% áp dụng đối với các công chức, viên chức chuyên môn làm việc tại các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y, Trạm kiểm dịch động vật, thực vật nội địa hoặc cửa khẩu nơi không có phụ cấp khu vực; các công chức, viên chức chuyên môn trực tiếp làm kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, chẩn đoán bệnh động vật, điều tra phát hiện và dự tính dự báo bảo vệ thực vật, giám định và kiểm nghiệm thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật tại các Chi cục Bảo vệ thực vật và Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm thú y hoặc Chi cục kiểm dịch thực vật vùng, Trung tâm chuyên ngành thuộc Cục Thú y và thuộc Cục Bảo vệ thực vật.

3. Ngành Kiểm soát đê điều

- Mức phụ cấp 20% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm soát đê điều làm việc tại các Đội, Hạt kiểm soát đê biển;
- Mức phụ cấp 15% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm soát đê điều làm việc tại các Đội, Hạt kiểm soát đê sông.

III. CÁCH TÍNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP

1. Cách tính

- a) Phụ cấp ưu đãi theo nghề được tính theo mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), được xác định